\documentclass[12pt]{article}

\usepackage[utf8]{vietnam}

\usepackage{latexsym, amsmath, amsfonts, amscd, amssymb, verbatim, amsxtra,amsthm}

\usepackage{pgf,tikz,pgfplots}

\usepackage{tkz-euclide}

\usepackage{graphicx}

\usepackage{color}

\usepackage{hyperref}

\usepackage[all]{xy}

\usepackage{mathrsfs}

\usepackage{tikz,tkz-tab}

\usepackage{parallel}

\usepackage{array}

\usepackage{xcolor}

\usepackage{verbatim}

\usepackage{tikz-3dplot}

\usepackage{comment}

\usepackage{tikz-cd}

\usepackage{enumerate}

\usepackage{subcaption}

%=========%========

\usetikzlibrary{matrix}

\usetikzlibrary{calc,intersections}

\usetikzlibrary{patterns} %dung cho cai hinh 1000

\pgfplotsset{compat=1.15}

\usetikzlibrary{arrows}

\pagestyle{empty}

\DeclareGraphicsExtensions{.pdf,.png,.jpg}

\setlength{\textwidth}{6in} \setlength{\topmargin}{-0.2in}

\setlength{\textheight}{9.0in} \setlength{\oddsidemargin}{0.3in}

\renewcommand{\baselinestretch}{1.2}

\theoremstyle{plain}

\newtheorem{theorem}{Định lý}[section]% Đn, Đl, Hq ... được đánh số theo mục con

\newcommand{\dl}{\begin{theorem}}

\newcommand{\hdl}{\end{theorem}}

\newtheorem{pro}[theorem]{Mệnh đề}

\newcommand{\md}{\begin{pro}}

\newcommand{\hmd}{\end{pro}}

\newtheorem{lem}[theorem]{Bổ đề}

\newcommand{\bd}{\begin{lem}}

\newcommand{\hbd}{\end{lem}}

\newtheorem{co}[theorem]{Hệ quả}

\newcommand{\hq}{\begin{co}}

\newcommand{\hhq}{\end{co}}

\newtheorem{dinhnghia}[theorem]{Định nghĩa}

\newcommand{\dn}{\begin{dinhnghia}}

\newcommand{\hdn}{\end{dinhnghia}}

\newtheorem{tinhchat}[theorem]{Tính chất}

\newcommand{\tc}{\begin{tinhchat}}

\newcommand{\htc}{\end{tinhchat}}

\newtheorem{vidu}[theorem]{Ví dụ}

\newcommand{\vd}{\begin{vidu}}

\newcommand{\hvd}{\end{vidu}}

\newtheorem{nhanxet}[theorem]{Nhận xét}

\newcommand{\nx}{\begin{nhanxet}}

\newcommand{\hnx}{\end{nhanxet}}

\newtheorem{chuy}[theorem]{Chú ý}

\newcommand{\cy}{\begin{chuy}}

\newcommand{\hcy}{\end{chuy}}

\numberwithin{equation}{section}

\renewcommand{\theequation}{\thesection.\arabic{equation}}

\normalsize

\setcounter{equation}{0}

\begin{document}

\title{ \bf Tên bài báo}

\author{Tác giả 1\footnote{Địa chỉ cơ quan, email:

yyyy@gmail.com.},\ \, Tác giả 2\footnote{Cơ quan; email: zzz@yyy}}

\maketitle

\makeatletter \renewcommand\@biblabel[1]{#1.}

\makeatother

\medskip

\begin{quote}

\small{\bf Tóm tắt} ... \;

\medskip

\vspace\*{0,05in} {\bf Từ khóa} ...

{\bf Mathematics Subject Classification (2010).} 90C20, 90C22, 90C26.

\end{quote}

\section{Giới thiệu} \label{sec:Intro}

\dn\label{}\rm

Hàm số $f(x)$ được gọi là liên tục trên $D$ nếu ...

\hdn

\dl\label{}

Phương trình $x^2+2x+1=0$ có nghiệm duy nhất.

\hdl

\bd\label{}

Phương trình $x^2+2x+1=0$ có nghiệm duy nhất.

\hbd

\hq\label{}

Phương trình $x^2+2x+1=0$ có nghiệm duy nhất.

\hhq

\md\label{}

Phương trình $x^2+2x+1=0$ có nghiệm duy nhất.

\hmd

\cy\label{} \rm

Phương trình $x^2+2x+1=0$ có nghiệm duy nhất.

\hcy

\vd\label{} \rm

Phương trình $x^2+2x+1=0$ có nghiệm duy nhất.

\hvd

\section{Các kết quả chính}

\dn\label{}\rm

Hàm số $f(x)$ được gọi là liên tục trên $D$ nếu ...

\hdn

\dl\label{}

Phương trình $x^2+2x+1=0$ có nghiệm duy nhất.

\hdl

\bd\label{}

Phương trình $x^2+2x+1=0$ có nghiệm duy nhất.

\hbd

\hq\label{}

Phương trình $x^2+2x+1=0$ có nghiệm duy nhất.

\hhq

\md\label{}

Phương trình $x^2+2x+1=0$ có nghiệm duy nhất.

\hmd

\cy\label{} \rm

Phương trình $x^2+2x+1=0$ có nghiệm duy nhất.

\hcy

\vd\label{} \rm

Phương trình $x^2+2x+1=0$ có nghiệm duy nhất.

\hvd

\bibliographystyle{amsplain}

\begin{thebibliography}{10}

\bibitem{Calabi82}

Calabi, E. (1982). {\it Linear systems of real quadratic forms. II.} Proceedings of the American Mathematical Society, 84(3), 331--334.

\end{thebibliography}

\end{document}